

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
DÂN LẬP HẢI PHÒNG

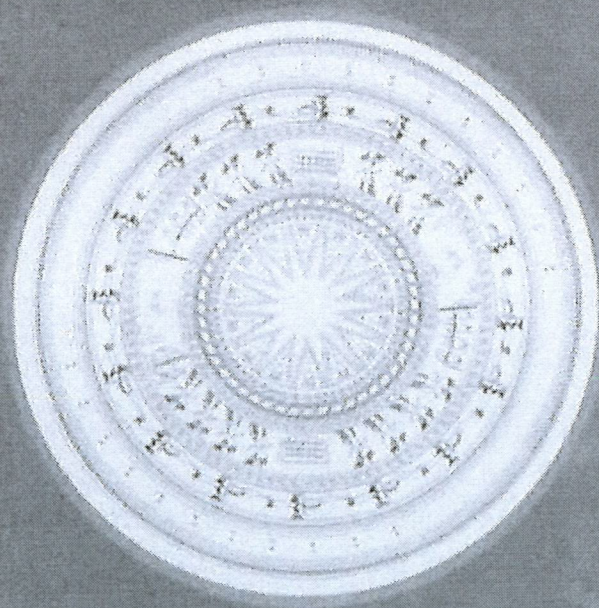
THƯ VIỆN

9(V)

T 305 tv

N TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGUYỄN QUANG NGỌC
Chủ biên



NHA XUẤT BẢN GIÁO DỤC



II - SỰ BÙNG NỔ VÀ TIẾN TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC (1946-1950)

1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ

Ngay trong quá trình đàm phán ở bàn hội nghị giữa ta và Pháp đang diễn ra ở Phôngtennoblô, Pháp đã mở rộng chiến tranh ra nhiều nơi. Ở chiến trường Nam Bộ, Nam Trung Bộ, địch liên tục tiến công chiếm đóng vùng giải phóng. Tại miền Bắc, tháng 11-1946, chúng đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Tháng 12- 1946, chúng đánh Đồ Sơn, Đình Lập. Sau các vụ ném lựu đạn vào nhiều khu vực dân cư thành phố, từ giữa tháng 12 trở đi, chúng đã gây hấn nhiều nơi ở Hà Nội. Sự kiện tàn sát nhân dân ta tại phố Hàng Bún và phố Yên Ninh (tháng 12-1946) chứng tỏ thực dân Pháp đã sẵn sàng bước sang cuộc phiêu lưu quân sự mới.

Ngày 18 và 19-12-1946, thực dân Pháp đã liên tiếp gửi tối hậu thư đòi ta phải phá bỏ công sự trong thành phố và đòi để chúng kiểm soát, giữ gìn trật tự Hà Nội. Chúng tuyên bố sẽ hành động bằng sức mạnh quân sự nếu ta không thực hiện các yêu sách đó. Tình hình vô cùng khẩn cấp, đòi hỏi ta phải đứng lên.

Ngày 18, 19 tháng 12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã nhận định tình hình và chỉ thị cho các địa phương "Tất cả hãy sẵn sàng". Chiều 19-12, Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các đơn vị vũ trang sẵn sàng chiến đấu theo thời gian đã quy định.

20 giờ ngày 19-12-1946, mệnh lệnh chiến đấu bắt đầu. Quân dân Thủ đô đã nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc.

Ngay khi tiếng súng kháng chiến toàn quốc bùng nổ, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền đi khắp cả nước. "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" cùng với những tài liệu khác như chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*, *Kháng chiến nhất định thắng lợi* đã nêu bật những vấn đề căn bản nhất về đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là:

- Chỉ ra cuộc kháng chiến nhân dân ta đang tiến hành là sự tiếp nối con đường Cách mạng tháng Tám bằng hình thức chiến tranh cách mạng, chính nghĩa để bảo vệ độc lập và thống nhất dân tộc.

- Kháng chiến và kiến quốc liên quan mật thiết với nhau. Tiến hành kháng chiến, thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, đồng thời thực hiện nhiệm vụ dân chủ; hai nhiệm vụ đó quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhưng nhiệm vụ dân tộc là cấp bách nhất, còn vấn đề ruộng đất sẽ được giải quyết dần dần phù hợp với yêu cầu của cuộc chiến tranh giải phóng. Cuộc kháng chiến của Việt Nam là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn diện. Sức mạnh của nó là tổng hợp sức mạnh của toàn dân, chiến đấu chống kẻ thù trên các mặt trận quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Cuộc chiến đấu sẽ diễn ra lâu dài. Trường kỳ kháng chiến là một phương châm chiến lược quân sự bảo đảm kháng chiến thắng lợi.

Những phương châm chỉ đạo chung cho cuộc kháng chiến đã được cụ thể hóa, vận dụng trong công cuộc kháng chiến- kiến quốc suốt thời kỳ từ 1946 đến 1954.

2. Xây dựng nền dân chủ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp (1947-1950)

Muốn kháng chiến thắng lợi, phải xây dựng hậu phương vững chắc. Nội dung căn bản của công cuộc xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp chính là xây dựng chế độ dân chủ mới.

*** Trên lĩnh vực chính trị**

- Xây dựng Đảng lớn mạnh là nhân tố quyết định đối với sự nghiệp cách mạng, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong mọi giai đoạn lịch sử. Trong thời kỳ 1945-1954, việc xây dựng đội tiên phong của giai cấp công nhân được chú trọng

đặc biệt, bởi vì lúc này Đảng không chỉ lãnh đạo cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, mà còn lãnh đạo sự nghiệp xây dựng đất nước.

Dù tuyên bố "tự giải tán", nhưng thực tế công tác xây dựng Đảng vẫn được tăng cường về mọi mặt. Hàng vạn công nhân, nông dân, trí thức cách mạng, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cách mạng đã được kết nạp Đảng. Năm 1949, Đảng ta có hơn 50 vạn đảng viên và đến năm 1950, số lượng đảng viên đã tăng lên trên 70 vạn người.

- Bộ máy chính quyền được củng cố và đã phát huy vai trò trong sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc. Từ trung ương xuống cơ sở, các cơ quan đại diện lập pháp, hành pháp và tư pháp đã phối hợp, hành động thống nhất nhằm đáp ứng cao nhất mọi yêu cầu của cuộc kháng chiến.

Nâng cao phẩm chất và trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng ý chí kiên định đấu tranh, không sợ hy sinh gian khổ, đồng thời chống đầu óc bè phái, địa phương, quan liêu, quân phiệt, thiếu sâu sát thực tế, hủ hóa, vô kỷ luật... có ý nghĩa quyết định đối với sức mạnh của Nhà nước "của dân, do dân và vì dân".

Sự lớn mạnh của Nhà nước dân chủ nhân dân còn thể hiện trong lĩnh vực quan hệ đối ngoại. Với nguyên tắc "*làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai*"⁽⁸⁾, Chính phủ ta đã mở ra quan hệ đối ngoại thân thiện với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế.

Ngay trong ngày đầu kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh thay mặt nhân dân Việt Nam nhiều lần gửi thư cho Quốc hội và Chính phủ Pháp mong muốn hai bên cùng cộng tác để lập lại hòa bình.

Quan hệ giữa Việt Nam với các nước ở châu Á, đặc biệt với Lào-Miên và Thái Lan phát triển khá tốt đẹp. Tháng 4-1947, Việt Nam đặt cơ quan đại diện chính phủ tại Băng Cốc. Cùng thời gian trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư bày tỏ tình hữu nghị của nhân dân Việt Nam đối với nhân dân Mỹ.

Trong các năm 1948- 1949, Chính phủ đã cử đoàn cán bộ ngoại giao đến một số quốc gia như Thái Lan, Trung Quốc, Tiệp Khắc, Pháp, Liên Xô, Hunggari để tuyên truyền và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Tháng 1-1950, Chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết công nhận Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tiếp đó, chính phủ các nước Triều Tiên, Tiệp Khắc, CHDC Đức, Hunggari, Rumani, Ba Lan, Bungari, Anbani cũng chính thức công nhận Chính phủ ta.